

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI NĂM 2017,
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. Kết quả hoạt động công nghiệp và thương mại năm 2017 (Có phụ biểu kèm theo):

1. Giá trị sản xuất công nghiệp:

Nhìn chung, năm 2017 tình hình thời tiết diễn biến thuận lợi, lượng mưa trên địa bàn tỉnh tương đối lớn nên tạo điều kiện cho các loại cây trồng phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến phát triển tốt, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến như: Đường, sắn, chè, ... phát huy hiệu quả được công suất thiết kế; đồng thời, lưu lượng nước về các hồ thủy điện và các thủy điện trên địa bàn nhiều nên các nhà máy thủy điện trên địa bàn phát huy được công suất nhà máy; bên cạnh đó, việc các nhà máy lớn đầu tư mới, nâng công suất nhà máy đã đi vào hoạt động trong năm 2017 như: Nhà máy đường An Khê nâng công suất 12.000 tấn mía cây/ngày lên 18.000 tấn mía cây/ngày, các nhà máy mới đi vào hoạt động như Nhà máy nhiệt điện sinh khối An Khê (110MW), nhà máy chế biến tinh bột sắn Iapa công suất 150 tấn tinh bột/ngày, Nhà máy thủy điện Ia Grai 2 (7.5 MW), ... đã đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất công nghiệp trong việc thực hiện kế hoạch năm 2017 và tăng cao so với cùng kỳ.

- Tổng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) ước thực hiện năm 2017 đạt 18.079,68 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 8,53% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Công nghiệp khai khoáng: Năm 2017 ước thực hiện 228,04 tỷ đồng, đạt 95,02% kế hoạch, tăng 1,35% so với cùng kỳ.

+ Công nghiệp chế biến, chế tạo: Năm 2017 ước thực hiện 11.355,99 tỷ đồng, đạt 100,07% kế hoạch, tăng 3,24% so với cùng kỳ. Tình hình một số ngành công nghiệp chế biến chủ yếu như sau:

Chế biến đường tinh chế: Năm 2017 ước thực hiện 255.049 tấn, đạt 100,02% kế hoạch, tăng 20,88% so với cùng kỳ.¹; *Chế biến tinh bột sắn:* Sản lượng tinh bột sắn năm 2017 ước thực hiện 139.000 tấn, đạt 100,72% kế hoạch, tăng 12,46% so với cùng kỳ.²; *Chè các loại:* năm 2017 ước thực hiện 1.780 tấn, vượt 1,71% kế hoạch, tăng 3,43% so với cùng kỳ; *Chế biến sữa:* Công ty CP dinh dưỡng Nutifood Tây Nguyên năm 2017 ước thực hiện 20 triệu lít sữa, đạt 100% kế hoạch, tăng 66,67% so với cùng kỳ; *Đá Granit:* Năm 2017 ước thực hiện 1.279.200 m², đạt 100,02% kế hoạch, tăng 1,47% so với cùng kỳ; *Phân vi sinh:* Năm 2017 ước thực hiện 26.500 tấn, đạt 53% kế hoạch, tăng 16,96% so với cùng

¹ Nhà máy đường An Khê nâng công suất nhà máy lên 18.000 tấn mía cây/ngày và đã đi vào hoạt động đầu năm 2017 nên sản lượng đường tinh chế 7 tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Nhà máy đường Ayun Pa - Công TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai sản lượng đường sản xuất năm 2017 ước thực hiện 78.546 tấn; Nhà máy đường An Khê năm 2017 ước thực hiện 176.503 tấn.

² Các nhà máy chế biến tinh bột sắn trên địa bàn đã bắt đầu hoạt động niên vụ 2017 - 2018.

kỳ; Sản phẩm MDF: Năm 2017 ước thực hiện 43.000 m³, đạt 79,63% kế hoạch, tăng 12,32% so với cùng kỳ.

+ Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước: Năm 2017 ước thực hiện 6.419,81 tỷ đồng, đạt 100,07% kế hoạch, tăng 19,71% so với cùng kỳ.³

Sản lượng điện sản xuất trên địa bàn năm 2017 ước thực hiện 6.345,07 triệu KWh, đạt 100,07% kế hoạch, tăng 21,44% so với cùng kỳ.⁴

+ Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải: Năm 2017 ước thực hiện 76,34 triệu KWh, đạt 100,45% so với kế hoạch, tăng 9,06% so với cùng kỳ.

2. Tình hình hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh

2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2017 ước đạt 51.300 tỷ đồng đạt 100 % kế hoạch và tăng 15,67% so với năm 2016. Trong đó kinh tế Nhà nước ước đạt 3.693,45 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 7,2%, kinh tế tập thể đạt 7,86 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,02 %, kinh tế cá thể đạt 24.133,57 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 47,04%, kinh tế tư nhân đạt 23.456,12 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 45,72%. Nhìn chung lượng hàng hóa dồi dào, đa dạng, đảm bảo phục vụ được nhu cầu của người dân, nhất là trong các dịp Lễ, Tết và cung ứng kịp thời đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.2. Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế biên mậu:

a. Xuất khẩu:

Ước thực hiện kim ngạch xuất khẩu năm 2017 đạt 450 triệu USD, đạt 100% kế hoạch tăng 31,22% so với cùng kỳ. Nhìn chung giá xuất khẩu bình quân các mặt hàng nông sản đều cao hơn so với cùng kỳ nên đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp, làm gia tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh. Đặc biệt là giá xuất khẩu cao su tăng 17,9%, cà phê tăng 10,97%; khối lượng xuất khẩu một số mặt hàng tăng mạnh như cà phê tăng hơn 50%, tiêu hạt tăng hơn 56%, sản lát tăng 10%, so với cùng kỳ.

Ước thực hiện các mặt hàng như sau: Cà phê :176.000 tấn/353 triệu USD, đạt 121,38% kế hoạch, tăng 50,80% về lượng, tăng 67,35% về giá trị so cùng kỳ; Mủ cao su: 2.647 tấn/6 triệu USD đạt 12,3% kế hoạch, giảm 68,41% về lượng, tăng 46,11% về giá trị so cùng kỳ; sản phẩm gỗ: 9,4 triệu USD đạt 78,33% kế hoạch, tăng 47,75% so cùng kỳ; sản lát: 86.600 tấn/ 16,3 triệu USD đạt 66,62% kế hoạch, tăng 10% về lượng, tăng 6,9% về giá trị so cùng kỳ; hàng khác: 65,3 triệu USD, đạt 55% kế hoạch, giảm 34,2% so với cùng kỳ.

b. Nhập khẩu: Ước thực hiện kim ngạch nhập khẩu năm 2017 đạt 125 triệu USD, đạt 104,17% kế hoạch, giảm 25,28% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu giảm do Công ty cổ phần chăn nuôi Gia Lai ngừng nhập khẩu mặt hàng bò thịt, bò giống. Ước thực hiện các mặt hàng như sau: Gỗ và nguyên phụ liệu: 52 triệu USD tăng 10,96% so cùng kỳ; nông sản: 60 triệu USD tăng 27,36% so với cùng kỳ; hàng khác: 13 triệu USD, giảm 82,05% so cùng kỳ.

³ Do 10 tháng đầu năm 2016 tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, nắng hạn kéo dài, lưu lượng nước về hồ đạt thấp so với trung bình các năm nên sản lượng điện sản xuất 10 tháng đầu năm 2016 đạt thấp; bên cạnh đó những tháng đầu năm 2017 lượng mưa trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, lưu lượng nước về các hồ thủy điện và các thủy điện trên địa bàn nhiều nên các nhà máy thủy điện trên địa bàn phát huy được công suất nhà máy. Vì vậy, sản lượng điện sản xuất ước thực hiện kế hoạch năm 2017 đạt cao so với cùng kỳ.

⁴ Sản lượng điện sản xuất của quốc doanh trung ương năm 2017 ước thực hiện 4.842,5 triệu KWh, đạt 100,15% kế hoạch năm, tăng 21,68% so với cùng kỳ. Sản lượng điện sản xuất của địa phương năm 2017 ước thực hiện 1.502,57 triệu KWh, đạt kế hoạch năm, tăng 20,65% so với cùng kỳ.

c. Kinh tế biên mậu:

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới năm 2017 ước đạt 135 triệu USD, giảm 9,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do kim ngạch xuất khẩu giảm tập trung ở mặt hàng xăng dầu (giảm hơn 25 triệu USD so với năm 2016). Do từ đầu năm đến nay phía Campuchia ngừng nhập khẩu mặt hàng này.

Trong đó: Xuất khẩu đạt 11 triệu USD, giảm 73,8% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng chủ yếu: Hàng bách hóa 4,2 triệu USD; năng lượng điện 3,86 triệu USD và một số hàng hóa khác. Nhập khẩu đạt 124 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ. Mặt hàng chủ yếu là: Gỗ nguyên liệu 59 triệu USD, tăng 28,26% so với cùng kỳ; sắn lát 133.000 tấn/ 21,3 triệu USD tăng 20,9% về lượng và tăng 18,3% về giá trị; hạt điều 18.500 tấn/ 35 triệu USD giảm 25% về lượng và tăng 9,3% về giá trị; đậu tương hạt, cao su tự nhiên, chuối quả... và một số mặt hàng khác.

d. Thực hiện cung ứng hàng chính sách:

Hàng cấp không thu tiền: Năm 2017 ước hỗ trợ 2.800 tấn I ốt đạt 100,25% kế hoạch. Bò giống hỗ trợ 2.000 con, đạt 100% kế hoạch. Phân bón và giống cây trồng từ đầu năm cho đến nay ước hỗ trợ 18.159,48 triệu đồng đạt 86,19% kế hoạch.

II. Hoạt động quản lý nhà nước:

1. Công tác quy hoạch - kế hoạch:

- Về quy hoạch phát triển điện lực: Hiện nay, Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, định hướng đến 2035 (Hợp phần 1- Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV) đã được thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại Văn bản số 400/HĐND-VP ngày 20/10/2017 và UBND tỉnh đã có Tờ trình số 4099/TTr-UBND ngày 25/10/2017 trình Bộ Công Thương thẩm định phê duyệt.

- Về quy hoạch phát triển điện gió: Hiện đang triển khai lập Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 có xét đến năm 2030 theo đề cương, nhiệm vụ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 16/02/2017.

- Về phát triển các dự án điện mặt trời: Dự án của Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, công suất 49 MW đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh. Hiện Sở Công Thương đang phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan kiểm tra, đề xuất bổ sung quy hoạch phát triển điện mặt trời các cấp đối với các dự án mặt trời khác. Ngoài ra, Sở Công Thương đã có Tờ trình số 51/TTr-SCT ngày 02/11/2017 đề xuất UBND tỉnh về chủ trương lập quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Gia Lai.

- Về quy hoạch điện sinh khối: Hiện đang triển khai lập quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030 theo đề cương chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 28/7/2017.

2. Công tác quản lý về Công Thương:

2.1. Về công nghiệp:

Tình hình phát triển các cụm công nghiệp: Trên địa bàn tỉnh hiện có 12 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 347,42 ha và 04 cụm (Krông Pa, K'Bang, Đăk Đoa, Chư Pưh) đang trong giai đoạn thành lập cụm công nghiệp với tổng diện tích 178 ha. Trong 12 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết có 08 Cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập gồm: Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku;

Cụm công nghiệp Ia Khuol, huyện Chư Pah; Cụm công nghiệp Đăk Djrăng, huyện Mang Yang; Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê, huyện Chư Sê; Cụm công nghiệp An Khê, thị xã An Khê; Cụm công nghiệp Phú Thiện, huyện Phú Thiện; Cụm công nghiệp Đăk Pơ, huyện Đăk Pơ; Cụm công nghiệp Ia Pa, huyện Ia Pa. Đến nay có 04 cụm công nghiệp đã đầu tư hạ tầng gồm có: Cụm công nghiệp Diên Phú, Cụm công nghiệp Ia Khuol, Cụm công nghiệp Đăk Djrăng, Cụm công nghiệp Chư Prông và 02 cụm công nghiệp đã thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng đó là Cụm công nghiệp tập trung Kông Chro và Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê.

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh trình tự, thủ tục thành lập cụm công nghiệp theo quy định; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 13/01/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XIII) về phát triển các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Ban hành văn bản triển khai thực hiện Thông tư số 25/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017, chỉ thị số 12/CT-BCt ngày 25/9/2017 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn một số nội dung và triển khai Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp, tổng hợp ý kiến và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm: Xây dựng chương trình hành động thực hiện Kết luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương; xây dựng Quy định quản lý, giám sát chất lượng An toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Ngành công thương; tổng hợp báo cáo Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương; tăng cường công tác phòng chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.2. Về Thương mại - Dịch vụ:

Đề xuất UBND tỉnh danh sách thương nhân được thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua các lối mở biên giới và các doanh nghiệp xin nhập khẩu gỗ qua các lối mở biên giới; Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020; kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình 35-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Tham mưu xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Kế hoạch hợp tác thương mại với các tỉnh Vương quốc Campuchia giai đoạn 2016-2020; Xây dựng Kế hoạch nâng cao chỉ số thương mại điện tử giai đoạn 2017-2020. Xây dựng Đề án xây dựng điểm bán hàng Việt Nam với tên gọi "Tự hào hàng Việt Nam" và Đề án chương trình hỗ trợ đào tạo, tư vấn kỹ năng kinh doanh cho các doanh nghiệp tỉnh Gia Lai.

Ban hành văn bản chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố Pleiku, Chi cục quản lý thị trường, các cơ sở kinh doanh lưu trú trên địa bàn tỉnh triển khai, phục vụ kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017 tại các văn bản số

550/SCT-QLTM, 551/SCT-QLTM, 552/SCT-QLTM ngày 26/5/2017 của Sở Công Thương Gia Lai. Ban hành văn bản chỉ đạo Chi cục quản lý thị trường: tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác phòng chống vi rút gia cầm A/H7N9, A/H5N1 và các chủng vi rút cúm gia cầm khác; tăng cường chống thất thu thuế lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và kiểm tra, kiểm soát giá sữa theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/06/2017 về đăng ký, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; kiểm soát hiện tượng giá LPG tăng bất thường; tăng cường công tác chống buôn lậu thuốc lá điều, mặt hàng đường; kiểm tra, kiểm soát các hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh; về việc tăng cường công tác chống buôn lậu từ lợi dụng chính sách trung chuyển, quá cảnh hàng hóa.

Báo cáo tiến độ nhập khẩu gỗ của các doanh nghiệp qua các lối mở; báo cáo số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; tình hình quan hệ xuất nhập khẩu của tỉnh với các nước Hàn quốc, Nhật Bản; tổng kết 05 năm thực hiện Chi thị số 35- CT/Tr/TU ngày 9/7/2012 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình dịch vụ và du lịch trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin tài liệu cho Bộ Công Thương xây dựng đề án Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Lào; Việt Nam - Campuchia đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035; cung cấp tài liệu, thông tin triển khai đề án Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Đôn đốc các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống cửa hàng xăng dầu tuyến quốc lộ 19 và 25 nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương về quy chuẩn hệ thống cửa hàng xăng dầu của 02 tuyến quốc lộ này. Rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tổ chức 01 lớp tập huấn kiến thức về thương mại điện tử cho các đối tượng là cán bộ quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị Kết nối cung cầu hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước với tỉnh Gia Lai.

3. Công tác quản lý năng lượng - kỹ thuật an toàn môi trường

3.1. Về quản lý năng lượng:

Các dự án về năng lượng tái tạo: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 2 Dự án điện sinh khối đã đi vào vận hành; 04 dự án điện gió đang khảo sát đo gió, 1 dự án điện gió đang xin phép khảo sát; 01 dự án điện mặt trời đã phê duyệt bổ sung quy hoạch, 02 dự án điện mặt trời đang trình cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực các cấp và một số nhà đầu tư đang triển khai khảo sát, lựa chọn địa điểm và lập các thủ tục để bổ sung quy hoạch.

Hiện trạng lưới điện phân phối: Đến nay, xã, phường, thị trấn đã có lưới điện quốc gia của tỉnh Gia Lai là 222/222, đạt 100% với 321.829/325.719 hộ dân sử dụng điện, đạt 98,8%⁵. Về nguồn điện: hiện có 08 nhà máy thủy điện lớn đang vận hành trên địa bàn tỉnh với tổng công suất là 1.907MW. Tổng số thủy điện vừa và nhỏ được quy hoạch trên địa bàn tỉnh là 54 thủy điện⁶.

⁵ Lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau: Đường dây trung thế có tổng chiều dài: 4.422,07km, đường dây hạ áp thế có tổng chiều dài là 4.258,01km, tổng số trạm biến áp là 3.985 trạm với tổng dung lượng 673.315 kVA..

⁶ Trong đó: 36 thủy điện đang vận hành với tổng công suất 284,45MW; 5 thủy điện đang triển khai đầu tư với tổng công suất 14,4MW; 14 thủy điện có trong quy hoạch nhưng chưa có chủ trương đầu tư với tổng công suất 45,4MW.

Về đầu tư phát triển Dự án:

+ Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Gia Lai (vốn vay KFW giai đoạn 2)⁷: Hiện nay, dự án đang triển khai thi công và dự kiến hoàn thành vào cuối tháng 12/2017.

+ Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trên địa bàn tỉnh Gia Lai (vốn vay KFW giai đoạn 3)⁸: Hiện nay dự án này đang triển khai thiết kế bản vẽ thi công.

+ Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020⁹: Hiện nay, dự án chưa được phân bổ vốn nên Ban Quản lý dự án điện nông thôn miền Trung chưa triển khai các bước tiếp theo.

+ Tiểu dự án cải tạo và nâng cấp lưới điện phân phối các quận, huyện tỉnh Gia Lai (DEP2)¹⁰: Hiện nay, đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Tích cực triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, ước sản lượng tiết kiệm điện năm 2017 của toàn tỉnh là 18.150.149 kWh so với cùng kỳ, tương đương 32.379,465 triệu đồng¹¹.

Năm 2017, UBND tỉnh tạm xuất ngân sách tỉnh với số tiền là 29,2 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh (*Theo Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh quyết định tạm cấp kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2017*).

Tham gia ý kiến về sự phù hợp Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến 2020 đã được phê duyệt cho 05 công trình lưới. Thẩm định 2 Dự án nguồn điện, 16 dự án lưới điện Tham gia góp ý: Kế hoạch điều tiết, cấp nước cho hạ du các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh trong mùa khô năm 2017; Danh mục hồ chứa thủy điện phải thực hiện việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; dự thảo Quy trình ban hành lệnh vận hành các hồ chứa An Khê - Ka Nak, Ayun Hạ trong mùa lũ, mùa cạn hàng năm; Hướng dẫn trình tự lập Quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối tỉnh Gia Lai.

Tham mưu UBND tỉnh về việc triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện và giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020.

Tăng cường thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập thủy điện trên địa bàn tỉnh năm 2017: Phân công nhiệm vụ trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn lĩnh vực ngành Công Thương năm 2017, cập nhật bổ sung phương án phòng, chống lụt, bão của đập và phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du đập thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Rà soát danh mục đầu tư cần ưu tiên cấp điện của dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020. Đề xuất UBND tỉnh các vấn đề sau: xem xét thống nhất danh mục đầu tư và thỏa thuận hướng tuyến Tiểu dự án cải

⁷ DADT với quy mô: Đường dây trung áp là 86,703 km, 79 trạm với tổng dung lượng: 13.960 kVA, đường dây hạ áp là 164,693 km, tổng mức đầu tư là 179 tỷ đồng.

⁸ DADT với quy mô như sau: Đường dây trung áp dài 275,256km; Đường dây hạ áp dài 162,999km; Trạm biến áp phân phối: 60 TBA với tổng dung lượng 11.370 KVA; Thiết bị đóng cắt: 15 recloser và 6 LBS; Tổng vốn đầu tư: 247 tỷ đồng

⁹ Dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi với quy mô như sau: Đường dây trung áp: 355,34km; đường dây hạ áp: 1.277,4km; Trạm biến áp 564 trạm với tổng dung lượng 51.750kVA; Tổng vốn đầu tư: 971,3 tỷ đồng.

¹⁰ DADT với quy mô như sau: Đường dây trung áp dài 212,204km; Đường dây hạ áp dài 111,642km; Trạm biến áp phân phối: 57 TBA với tổng dung lượng 9.570 KVA. Tổng vốn đầu tư: 246 tỷ đồng

¹¹ Gồm các lĩnh vực sản lượng điện tiết kiệm được trên các lĩnh vực: Hành chính sự nghiệp và chiếu sáng công cộng 1.018.397kwh; ánh sáng sinh hoạt 10.137.444 kwh; sản xuất kinh doanh 6.309.321 kwh; các lĩnh vực khác 684.987 kwh..

tạo và nâng cấp lưới điện phân phối các quận, huyện tỉnh Gia Lai (DEP2); việc thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ và phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập thủy điện Ia Krel, đập thủy điện Ia Grai 3, đập thủy điện An Khê và thủy điện Ka Nak, đập thủy điện Ayun Thượng 1A năm 2017. Thẩm định các phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du đập thủy điện Ia Ly, Plei Krông, Sê San 3 năm 2017. Đề xuất UBND tỉnh về việc thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão bảo đảm an toàn đập trong mùa lũ và phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập thủy điện Hà Tây, Bàu Cạn, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2, Ia Đrăng 3, Ia Puch 3, Đăk Pi Hao 2, Đăk Pi Hao 1, Ia Muer 3 năm 2017.

Hướng dẫn các nhà đầu tư về trình tự, thủ tục bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Kiểm tra thực địa vị trí dự kiến xây dựng Dự án điện mặt trời của các Nhà đầu tư. Thống nhất địa điểm quy hoạch các Trạm biến áp 220kV, 110kV trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, định hướng đến 2035.

3.2. Công tác quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, kỹ thuật an toàn và môi trường:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh kiểm tra bổ sung Quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Kế hoạch hưởng ứng tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động lần thứ 1 năm 2017 của ngành Công Thương tỉnh Gia Lai; Chương trình phối hợp công tác nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tham gia Hội đồng thẩm định 22 báo cáo kết quả thăm dò khai thác khoáng sản; 7 Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh; 24 Báo cáo đánh giá tác động môi trường; 9 phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác khoáng sản. Thẩm định thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình 25 dự án thuộc lĩnh vực hóa chất.

Báo cáo công tác quản lý an toàn đập và môi trường hồ chứa bùn thải quặng đuôi; kết quả triển khai các nội dung tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham gia góp ý các dự thảo: Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Chương trình an toàn vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Nghị định thay thế Nghị định 19/2016/NĐ-CP của Chính Phủ về kinh doanh khí hóa lỏng; văn bản về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường công tác quản lý VLNCN trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tổ chức lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN với 37 học viên của 10 đơn vị trên địa bàn tỉnh; tổ chức sát hạch và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho 52 cá nhân thuộc các đơn vị kinh doanh mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng.

4. Công tác Khuyến công và Xúc tiến thương mại:

4.1. Công tác Khuyến công và Tư vấn công nghiệp:

Thực hiện 03 đề án: Đề án “Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất gạch không nung” tại Công ty cổ phần xây dựng và xây lắp điện Gia Lai; đề án “Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Diên Phú” với Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Diên Phú; và đề án “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong chế biến

hạt điều” tại Công ty TNHH MTV Hải Bình Gia Lai theo đúng tiến độ đề ra. Xây dựng đề án Khuyến công quốc gia, Khuyến công địa phương năm 2018.

Tổ chức lớp “Tập huấn nghiệp vụ công tác Khuyến công năm 2017” cho 50 học viên là doanh nghiệp, cán bộ phụ trách công tác Khuyến công tại các huyện, thị xã, thành phố. Phối hợp với phòng Quản lý năng lượng tổ chức lớp “Tập huấn, sát hạch và cấp giấy chứng nhận sát hạch đạt yêu cầu kiểm tra viên điện lực” cho 132 học viên là cán bộ, nhân viên thuộc các đơn vị điện lực trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với phòng Kỹ thuật an toàn môi trường tổ chức lớp “Huấn luyện kỹ thuật an toàn và phòng cháy chữa cháy trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp” cho 57 học viên là những người làm việc liên quan trực tiếp đến vật liệu nổ công nghiệp. Tổ chức kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp Gia Lai và doanh nghiệp Lâm Đồng. Ký kết 8 hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ.

4.2. Công tác Xúc tiến thương mại:

Xuất bản 1.200 Bản tin Công nghiệp và Thương mại. Xây dựng 12 chuyên mục Truyền hình Công Thương, 10 chuyên mục “Ngày của người tiêu dùng” phát sóng trên Đài phát thanh truyền hình Gia Lai với những nội dung theo kế hoạch đã được phê duyệt. Xuất bản ấn phẩm tuyên truyền quảng bá sản phẩm đặc trưng Gia Lai. Tổ chức 06 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi tại tỉnh Gia Lai. Trong đó: 02 phiên chợ bằng nguồn kinh phí xúc tiến thương mại địa phương tại huyện Chư Păh và Đăk Đoa, 4 phiên chợ bằng nguồn kinh phí Quốc gia tại huyện Đăk Pơ, Kong Chro, Phú Thiện và Chư Prông. Tổ chức hàng Việt qua biên giới Việt Nam- Campuchia tại tỉnh Ratanakiri từ ngày 24-26/11/2017.

Xây dựng Kế hoạch Xúc tiến thương mại quốc gia năm 2018 trình Cục Xúc tiến thương mại xem xét. Phối hợp tổ chức lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, lớp đào tạo kỹ năng bán lẻ phát triển thị trường cho 70 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai, lớp đào tạo hướng dẫn xây dựng thương hiệu sản phẩm cho doanh nghiệp.

Tổ chức Hội nghị Kết nối cung cầu giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh, thành phố năm 2017 tại Gia Lai. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai và Hội chợ triển lãm vào ngày 02/12/2017.

5. Công tác quản lý thị trường:

Đến nay, lực lượng Quản lý thị trường thực hiện kiểm tra 2.609 vụ, xử lý vi phạm 1.543 vụ, bao gồm: Hàng lậu 126 vụ, vi phạm về hàng giả 67 vụ, vi phạm trong lĩnh vực giá: 203 vụ; vi phạm trong kinh doanh 991 vụ, vi phạm về an toàn thực phẩm 78 vụ, vi phạm khác 158 vụ. Tổng số tiền thu phạt nộp ngân sách nhà nước là 4.771,02 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện Chương trình công tác nông thôn mới năm 2017:

Tính đến nay, xét về tiêu chí số 4- Điện nông thôn có 184 xã triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng số 218.608 hộ, đến nay đã có 214.999/218.608 hộ dân nông thôn sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98,35%. Có 168/184 xã đạt, tương đương 91,3%; đối với tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: trên địa bàn tỉnh hiện có 171/184 xã đạt, tương đương 93%; có 50 xã có chợ theo quy hoạch, tỷ lệ xã có chợ chiếm 34,97% trên tổng số 143 xã có chợ theo quy hoạch (trong đó có 36 chợ xã đạt tiêu chí số 7 - cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn).

Sau khi Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Bộ Công Thương ban hành 2 quyết định hướng dẫn về tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7 cho giai đoạn 2016-2020: Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Sở Công Thương đã ban hành Văn bản hướng dẫn số 1232/SCT-QLĐN ngày 16/11/2016 về triển khai thực hiện Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí số 4 về Điện nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Văn bản hướng dẫn số 1411/SCT-KHTCTH ngày 27/12/2016 về triển khai thực hiện Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Cùng với đó, trong thời gian qua Sở Công Thương cũng đã phối hợp tham gia cùng đoàn liên ngành (do Văn phòng điều phối nông thôn mới - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì) tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện nông thôn mới của 2 xã IaMla và xã Phú Cần thuộc huyện Krông Pa tỉnh Gia Lai, nhằm hướng dẫn các tiêu chí chưa đạt nói chung và tiêu chí chuyên ngành phụ trách nói riêng.

7. Công tác nội vụ, văn phòng, cải cách hành chính:

7.1 Công tác văn phòng và cải cách hành chính:

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2017; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017; Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2017; Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2017. Tham mưu ban hành Quyết định công bố mới 01 thủ tục hành chính lĩnh vực điện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2016 gửi Đoàn giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh, việc triển khai thực hiện đăng ký danh mục dịch vụ công trực tuyến Sở Công Thương năm 2017; thống kê thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành Công Thương cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trình UBND tỉnh công bố.

Từ đầu năm đến nay, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã tiếp nhận 1.729 hồ sơ thuộc các lĩnh vực của ngành Công Thương, đã giải quyết và trả kết quả 1.712 hồ sơ cho tổ chức, cá nhân (Trong đó có 1.103 hồ sơ biên nhận thực hiện chương trình khuyến mại được giải quyết và trả hồ sơ trong ngày) hiện nay còn 17 hồ sơ đang trong thời gian thẩm định giải quyết, không có hồ sơ quá hạn. Tiếp tục duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <http://dvcgialai.ekip.info>, đến nay Sở Công Thương đã triển khai áp dụng 46 thủ tục hành chính ở mức độ 3, từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận và giải quyết 139 hồ sơ thông qua dịch vụ công trực tuyến.

7.2 Công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết đơn thư tố cáo:

Thực hiện 7 cuộc thanh tra chuyên ngành tại 38 đơn vị là các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực như: Hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; hoạt động kinh doanh tại các siêu thị; hoạt động điện lực; hoạt động sản xuất và kinh doanh

thuốc lá; hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm. Kết quả qua thanh tra, có 02 đơn vị có hành vi vi phạm phải xử lý vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt VPHC là 4,5 triệu đồng.

Trên cơ sở tiếp nhận 15 hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực từ Điện lực Pleiku chuyển đến, Sở đã ban hành 15 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực đối với các cá nhân đã có hành vi vi phạm về trộm cắp điện, với tổng số tiền xử phạt là: 145,5 triệu đồng.

Duy trì công tác tiếp công dân thường xuyên theo quy định. Trong năm 2017, tiếp nhận 7 đơn thư kiến nghị, khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết. Đã hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan chức năng để giải quyết theo thẩm quyền. Ban hành và triển khai nghiêm túc Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017 của Sở Công Thương theo quy định đã đề ra.

7.3 Một số công tác khác:

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 8/3/2007 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, định canh định cư giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến năm 2020. Báo cáo nội dung chuẩn bị tổ chức Hội nghị Ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố, khu vực Miền Trung Tây Nguyên năm 2017 tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Tổ chức ký kết bản thỏa thuận hợp tác phát triển Công Thương giữa Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Công Thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020.

Xây dựng chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2006-2020 và năm 2017; Kế hoạch hành động về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Gia Lai năm 2017, định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/1/2017 của Chính phủ và Chương trình số 34-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy Gia Lai về một số chủ trương chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Kế hoạch hành động thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu ngành Công Thương năm 2017.

Xây dựng Kế hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại năm 2018; tham gia góp ý dự thảo báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Đề án điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu; nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2016-2020; dự thảo chương trình hành động UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 05/NQ-TU của Tỉnh ủy ngày 12/4/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai về giảm nghèo bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020; Báo cáo xây dựng Kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu năm 2018 và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; xây dựng Kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2018 - 2020; Góp ý đề cương bổ sung nhiệm vụ dự toán dự án: “Điều chỉnh bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Gia Lai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Tham gia góp ý dự thảo Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công; dự thảo quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Tham mưu, đề xuất triển khai các kiến nghị của Bộ Công Thương về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Báo cáo việc tổ

chức thực hiện văn bản trả lời, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ Hai, kỳ họp thứ Ba - HĐND tỉnh khóa XI.

Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính Phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017, báo cáo thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; kết quả thực hiện kế hoạch hành động số 709/KH-UBND về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Gia Lai năm 2017; tổ chức kiểm tra, rà soát hộ nghèo năm 2017 trên địa bàn huyện Krông Pa.

III. Phương hướng nhiệm vụ năm 2018:

1. Các chỉ tiêu phát triển công nghiệp - thương mại năm 2018:

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kết quả ước thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2017, Sở Công Thương Gia Lai xây dựng các chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại, xuất khẩu năm 2018 như sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp kế hoạch năm 2018 đạt 19.663 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng 8,76% (tương đương tăng 1.583,32 tỷ đồng) so với ước thực hiện năm 2017.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ: kế hoạch năm 2018 là 57,500 tỷ đồng, tăng 12,09% (tương đương 6.200 tỷ đồng) so với ước thực hiện năm 2017.

Xuất khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu kế hoạch năm 2018 là 470 triệu USD, tăng 4,44% so với ước thực hiện năm 2017.

Nhập khẩu: Tổng kim ngạch nhập khẩu kế hoạch năm 2018 là 86 triệu USD.

2. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Chính Phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo vùng nguyên liệu để các nhà máy chế biến hoạt động ổn định và phát huy công suất thiết kế. Đồng thời, xây dựng kế hoạch làm việc với các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh để nắm bắt, tham mưu và đề xuất với Tỉnh uỷ, UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời, giúp các nhà máy phát triển ổn định; bên cạnh đó, tăng cường đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các nhà máy mới, các dự án nâng công suất nhà máy đi vào hoạt động sản xuất theo đúng tiến độ nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch và giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 là 19.663 tỷ đồng (Theo giá so sánh 2010), tăng 8,76% so với ước thực hiện 2017.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, tập trung rà soát đơn giản hóa các thủ tục hành chính theo hướng rút gọn, góp phần giải quyết nhanh, gọn và hiệu quả cho các tổ chức và công dân đến liên hệ công tác. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp để khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng thị trường theo tinh thần Nghị quyết 19/NQ-CP và Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 trong giải quyết công việc và tiến hành lập hồ sơ, chỉnh lý hồ sơ tồn đọng để đưa vào lưu trữ cơ quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp kích cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh, triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại nội địa, tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh nhất là trong các dịp lễ, tết. Thực hiện tốt Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” được các doanh nghiệp thương mại của tỉnh hưởng ứng tích cực, ngoài tổ chức thực hiện bán hàng lưu động, đưa hàng Việt về vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Các doanh nghiệp còn tích cực tổ chức các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn bằng việc tổ chức triển khai các điểm bán hàng của doanh nghiệp trên địa bàn các xã.

- Tiếp tục hướng dẫn các địa phương thành lập cụm công nghiệp. Xây dựng Kế hoạch hình thành phát triển chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng, tiêu thụ thực phẩm sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020. Trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2025 có xét đến 2035 (Hợp phần 2- Quy hoạch phát triển lưới điện phân phối). Tham mưu UBND tỉnh thẩm định trình Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng sinh khối tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030. Lập quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017 -2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục bổ sung các dự án thủy điện, dự án điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối vào Quy hoạch.

- Hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về hoạt động VLNCN trên địa bàn. Triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về hóa chất, hướng dẫn các đơn vị lập biện pháp, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý hóa chất.

- Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nhất là các mặt hàng xuất khẩu có lợi thế của tỉnh; tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng qua chế biến. Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, thực hiện giao thương thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ Tết Nguyên Đán Mậu Tuất 2018 đồng thời triển khai kế hoạch dự trữ hàng hóa, thực hiện đồng bộ nhằm phục vụ Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018 trên địa bàn, đảm bảo cho nhân dân đón Tết, vui Xuân với tinh thần đoàn kết, vui tươi, lành mạnh, an toàn và thực hành tiết kiệm. Chủ động phối hợp, kiểm tra, đôn đốc tình hình chuẩn bị hàng hoá và các hoạt động phục vụ Tết trên địa bàn tỉnh, góp phần không chế được thị trường tự do, tăng giá bất hợp lý. Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Ban vận động Hội bảo vệ người tiêu dùng gắn liền với thành lập Hội người tiêu dùng tỉnh. Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch năm 2018 được phê duyệt; Phối hợp với Chi cục QLTT quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh, tổng hợp báo cáo tình hình kịp thời. Hướng dẫn và vận động một số doanh nghiệp hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tổ chức các phiên chợ ở các huyện vùng sâu vùng xa trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện hỗ trợ các đề án Khuyến công theo Kế hoạch 2018; tổ chức Hội chợ triển lãm tại tỉnh Gia Lai, tham gia giới thiệu các sản phẩm đặc trưng

tiêu biểu của tỉnh tại các Hội chợ triển lãm trong nước. Tổ chức 04 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn; 10 phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi; 01 phiên chợ đưa hàng Việt về biên giới Việt Nam - Campuchia. Tổ chức Đoàn doanh nghiệp Gia Lai đi kết nối giao thương, kết nối cung cầu tại các tỉnh.

- Triển khai thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch năm 2018. Tăng cường công tác quản lý thị trường; kiểm tra, kiểm soát, chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, ổn định thị trường giá cả, đảm bảo hàng hóa khi lưu thông trên thị trường phải thực hiện kê khai giá, đăng ký giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết. Phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các hành vi vi phạm, lợi dụng chủ trương điều chỉnh giá của nhà nước để tăng giá, các hành vi đầu cơ găm hàng của các tổ chức, cá nhân để góp phần ổn định thị trường giá cả; tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh. *vlb*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục XTTM; Cục CNĐP;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng QLCN, QLTM, QLXK, QLNL, TTKC-XTTM;
- Lưu VT, KHTCTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Thị Thu Nguyệt



Bảng 02:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHỦ YẾU NGÀNH CÔNG NGHIỆP NĂM 2018

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2016	NĂM 2017			KH 2018	SO SÁNH (%)		
			KH	U' TH 10T	U' TH		U' TH 2017 / KH 2017	U' TH 2017 / TH 2016	KH 2018 / U' TH 2017
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
Sản phẩm chủ yếu:									
1. Điện sản xuất trên địa bàn	103 KWh	5,224,900	6,340,642	5,062,778	6,345,070	6,590,760	100.07	121.44	103.87
2. Sản phẩm cơ khí các loại	Tấn	11,962	11,900	10,235	11,980	12,180	100.67	100.15	101.67
3. Gạch nung	Tr. viên	194	210	175	211	228	100.48	108.51	108.08
4. Xi măng	Tấn	5,500	10,000	3,500	4,500	6,000	45.00	81.82	133.33
5. Gỗ ván MDF	m3	38,282	54,000	35,636	43,000	45,000	79.63	112.32	104.65
6. Đường	Tấn	211,000	255,000	193,650	255,049	276,000	100.02	120.88	108.21
7. Chè các loại	Tấn	1,721	1,750	1,485	1,780	1,830	101.71	103.43	102.81
8. Tinh bột sắn	Tấn	123,603	138,000	105,550	139,000	165,280	100.72	112.46	118.91
9. Phân vi sinh	Tấn	22,657	50,000	22,321	26,500	31,500	53.00	116.96	118.87
10. Đá granit	m2	1,260,665	1,279,000	1,132,743	1,279,200	1,344,000	100.02	101.47	105.07
11. Sản phẩm sữa	1.000 lít	12,000	20,000	16,750	20,000	25,000	100.00	166.67	125.00

GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH 2018

(Giá so sánh 2010)

ĐVT : 106 đồng

S TT	CHỈ TIÊU	TH 2016	NĂM 2017			KẾ HOẠCH 2018	SO SÁNH %		
			KH	Ư' TH 10 T	Ư' TH NĂM		Ư' TH 2017/ KH 2017	Ư' TH 2017/ TH 2016	KH 2018/ Ư' TH 2017
1	2	3	4	5	6	7	9=6/4	10=6/3	11=7/6
	TỔNG SỐ	16,658,000	18,079,000	14,464,851	18,079,677	19,663,000	100.00	108.53	108.76
B	Phân theo ngành	16,658,000	18,079,000	14,464,851	18,080,177	19,663,000	100.01	108.54	108.75
1	CN khai thác	225,000	240,000	188,964	228,041	240,000	95.02	101.35	105.24
2	CN chế biến	11,000,000	11,348,000	8,990,281	11,355,989	12,657,000	100.07	103.24	111.46
3	CN SX và phân phối điện năng và G	5,363,000	6,415,000	5,224,589	6,419,807	6,685,000	100.07	119.71	104.13
4	CN SX & phân phối nước + rác thải	70,000	76,000	61,017	76,340	81,000	100.45	109.06	106.10

Ghi chú: Kế hoạch 2016 và ước thực hiện 2015:

- Tính 50% GTSX của các nhà máy Thủy điện TW : Ya Ly, Sê San 3 và Sê San 4.
- Tính 75% GTSX của nhà máy Thủy điện An Khê và 100% thủy điện Ka Nak

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU NĂM 2017, KẾ HOẠCH 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	Năm 2017		KH2018	ước TH 2017/KH 2017	ước TH 2017/TH 2016	KH2018/ Ước TH 2017
			KH2017	Ước TH 2017				
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	44,350.00	51,300	51,300	57,500	100.00	115.67	112.09
I. KN Xuất khẩu	1000 USD	342,940.36	450,000.00	450,000.00	470,000.00	100.00	131.22	104.44
<i>Mặt hàng xuất khẩu</i>								
1. Cà phê	Tấn	116711.05	145,000.00	176,000.00	182,000.00	121.38	150.80	103.41
Giá trị	1000 USD	210,936.77		353,000.00	363,000.00		167.35	102.83
2. Mủ cao su	Tấn	8,378.52	22,000.00	2,647.00	3,500.00	12.03	31.59	132.23
Giá trị	1000 USD	11,133.63		6,000.00	8,000.00		53.89	133.33
3. Gỗ tinh chế	1000 USD	6,362.16	12,000.00	9,400.00	11,000.00	78.33	147.75	117.02
4. Sản lát	Tấn	78,724.22	130,000.00	86,600.00	95,000.00	66.62	110.00	109.70
Giá trị	1000 USD	15,247.90		16,300.00	18,000.00		106.90	110.43
5. Tiêu hạt	Tấn	3,514.30		5,500.00	6,000.00	156.50	156.50	109.09
Giá trị	1000 USD	28,791.46		33,000.00	36,000.00	114.62	114.62	109.09
6. Hàng khác	1000 USD	70,468.44	118,400.00	32,300.00	34,000.00	27.28	45.84	105.26
II. KN Nhập khẩu	1000 USD	167,301.00	120,000.00	125,000.00	86,000.00	104.17	74.72	68.80
<i>Mặt hàng nhập khẩu</i>								
+ Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD	46,863.00		52,000.00	13,000.00		110.96	25.00
+ Nông sản	1000 USD	47,110.00		60,000.00	60,000.00		127.36	100.00
+ Hàng khác	1000 USD	73,823.00		13,000.00	13,000.00		17.61	100.00